

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2020/DS-ST

Ngày: 23/9/2020.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Tím
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Quang Châu;
Ông Hồ Quang Hiến.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trương Đình Hội là Thẩm tra viên TAND huyện Krông Nô.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:***
Nông Quốc Hùng, chức vụ Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 152/2019/TLST-DS, ngày 23/12/2019, về việc “Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-DS, ngày 27/8/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: - Ông Vũ Hữu Đ – vắng mặt.

- Bà Trịnh Thị Th – có mặt

(Ông Đ ủy quyền cho bà Th theo giấy ủy quyền ngày 27/8/2020)

Cùng địa chỉ: Số 2 T, phường L, thành phố Th, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: - Ông Dương Văn Th – có mặt.

- Bà Nguyễn Thị B – vắng mặt

(Bà B ủy quyền cho bà ông Th theo giấy ủy quyền được xác nhận ngày 04/01/2020)

Cùng địa chỉ: Thôn Ph, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Y T – có mặt

- Bà Nguyễn Thị Thu S – vắng mặt

(Bà S ủy quyền cho ông Y T theo giấy ủy quyền được xác nhận ngày 24/4/2020)

Cùng địa chỉ: Thôn Ph, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2020, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Vũ Hữu Đ, bà Trịnh Thị Th trình bày:

Do mối quan hệ quen biết nên ngày 13/01/2017 nguyên đơn có cho ông Dương Văn Th, bà Nguyễn Thị B vay số tiền 420.000.000 đồng, hai bên có viết giấy vay tiền và thỏa thuận lãi suất là 12%/năm với số tiền lãi là 50.400.000 đồng nhưng các bên thỏa thuận làm tròn là 50.000.000 đồng, các bên không Thỏa thuận thời hạn thanh toán.

Ông Th, bà B đã trả cho nguyên đơn số tiền lãi là 50.000.000 đồng tính từ ngày 13/01/2017 đến 13/01/2018 với lãi suất như đã thỏa thuận.

Do phía bị đơn không tiếp tục trả lãi nên ngày 16/01/2019 các bên có thỏa thuận và viết giấy cam kết trả nợ đồng thời chốt lại số nợ mà ông Th, bà B còn nợ lại của ông Đ, bà Th là 470.000.000 đồng, trong đó 420.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi suất là 50.000.000 đồng, tính từ ngày 13/01/2018 đến 13/01/2019, thời hạn trả là ngày 30/3/2019. Tuy nhiên đến thời hạn trả nhưng ông Th, bà B không trả cho nguyên đơn như đã thỏa thuận mặc dù nguyên đơn nhiều lần yêu cầu.

Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Th, bà B phải trả số tiền gốc 420.000.000 đồng và khoản lãi suất của khoản tiền này tính từ ngày 17/01/2019 đến nay với mức lãi suất là 12%/năm và số tiền lãi 50.000.000 đồng của số tiền 420.000.000 đồng tính từ ngày 13/01/2018 đến 13/01/2019.

Sau khi khởi kiện thì ngày 13/12/2019 ông Th, bà B đã trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 220.000.000 đồng, còn lại 200.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh đến nay vẫn chưa trả cho nguyên đơn.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Th, bà B phải trả số tiền gốc là 200.000.000 đồng và các khoản tiền cụ thể: tiền lãi theo thỏa thuận của số tiền 420.000.000 đồng tính từ ngày 13/01/2018 đến ngày 13/01/2019 là 50.000.000 đồng – 8.000.000 đồng (đã trả) = 42.000.000 đồng; khoản tiền lãi theo thỏa thuận của số tiền 420.000.000 đồng tính từ ngày 14/01/2019 đến ngày 13/12/2019 là 46.060.000 đồng; Khoản tiền lãi suất 12%/năm (1%/tháng) của số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng tính từ ngày 14/12/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Ngày 24/8/2020, ông Đ, bà Th rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu ông Th, bà B phải trả số tiền gốc là 220.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất của số tiền này.

Ông Đ, bà Th yêu cầu Tòa án tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2020/QĐ-BPKCTT ngày 18/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô cho đến khi ông Th, bà B thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bị đơn ông Dương Văn Th, bà Nguyễn Thị B trình bày:

Ông Th, bà B thừa nhận phân trình bày của nguyên đơn là đúng với những gì mà các bên đã thỏa thuận. Ông Th, bà B thừa nhận hiện nay còn nợ ông Đ, bà Th số tiền gốc là 200.000.000 đồng và các khoản tiền lãi suất bao gồm: khoản tiền lãi suất của số tiền 420.000.000 đồng tính từ ngày 13/01/2018 đến ngày 13/01/2019 là 50.000.000 đồng – 8.000.000 đồng (đã trả) = 42.000.000 đồng; khoản tiền lãi 12%/năm của số tiền 420.000.000 đồng tính từ ngày 14/01/2019 đến ngày 13/12/2019 là 46.060.000 đồng; khoản tiền lãi suất 12%/năm của số tiền 200.000.000 đồng tính từ ngày 14/12/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm. Ông Th, bà B chấp nhận thanh toán nợ cho ông Đ, bà Th tiền gốc còn nợ lại và tiền lãi phát sinh. Tuy nhiên vì hiện nay gia đình ông Th khó khăn nên số tiền gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh gia đình ông Th, bà B xin được thanh toán làm nhiều lần.

Ông Th, bà B không chấp nhận việc ông Đ, bà Th yêu cầu Tòa án tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2020/QĐ-BPKCTT ngày 18/02/2020 của TAND huyện Krông Nô cho đến khi chúng tôi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Đề nghị Tòa án xem xét hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2020/QĐ-BPKCTT ngày 18/02/2020 của TAND huyện Krông Nô để ông Th, bà B tiếp tục việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Y T và bà Nguyễn Thi Thu S theo quy định của pháp luật.

Theo đơn yêu cầu độc lập đề ngày 22/4/2020, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Y T trình bày:

Vào ngày 17/4/2019 ông Y T, bà Nguyễn Thi Thu S và vợ chồng ông Th và bà B có thỏa thuận nội dung chuyển nhượng thửa đất số 186, tờ bản đồ số 3 và tài sản gắn liền đối với thửa trên với số tiền thỏa thuận là: 580.000.000 đồng (Năm trăm tám mươi triệu đồng). Do thời điểm này Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được vợ chồng ông Th và bà B thế chấp tại ngân hàng T- Chi nhánh thành phố Buôn Ma Thuột tỉnh Đắk Lắk. Vì vậy giữa ông Y T, bà S và ông Th, bà B đã thỏa thuận, các bên cùng lên ngân hàng để thanh toán nợ của ông Th, bà B cho Ngân hàng để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về và tiến hành ký kết hợp đồng chuyển nhượng. Tại Ngân hàng ông Y T, bà S đã đưa cho ông Th, bà B số tiền 530.000.000 đồng để ông Th, bà B trả cho Ngân hàng, khi giao tiền các bên có viết biên bản thỏa thuận và ông Y T, bà S còn nợ ông Th, bà B số tiền là 50.000.000 đồng và thỏa thuận khi nào hoàn tất thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất ông Y T, bà S sẽ thanh toán đủ cho ông Th, bà B.

Ngày 19/4/2019 ông Y T, bà S và vợ chồng ông Th và bà B đã xác lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân (UBND) xã Nam Đà chứng thực hợp đồng và có giấy hẹn ngày trả kết quả là ngày 17/5/2019. Sau khi ký kết hợp đồng ông Y T đã nhận bàn giao đất và tài sản gắn liền trên đất, đến ngày 22/4/2019 ông Y T, bà S tiến hành sửa chữa ngôi nhà tọa lạc trên thửa đất trên với số tiền 100.000.000 đồng. Đến ngày 01/5/2019 công việc sửa nhà hoàn tất và gia đình ông Y T đã chuyển về ở cho đến nay.

Đến ngày hẹn 17/5/2019 nhưng ông Y T, bà S vẫn không được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy quyền sử dụng đất với lý do là vợ chồng ông Th và bà B còn nợ tiền Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện Krông Nô nên văn phòng một cửa UBND xã Nam Đà đã trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Y T,

bà S nhưng không trả lại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được chứng thực.

Ngày 12/02/2020 ông Y T cùng ông Th, bà B đến Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện Krông Nô và đưa cho ông Th số tiền 50.000.000 đồng số tiền còn lại theo hợp đồng chuyển nhượng, để ông Th trả số tiền nợ đã vay của Ngân hàng là 50.000.000 đồng. Sau đó ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện Krông Nô ban hành văn bản số: 12/NHCS-TD “về việc rút lại văn bản tạm ngừng sang nhượng quyền sử dụng đất” đối với gia đình ông Th và bà B để gia đình ông tiếp tục thực hiện các thủ tục sang nhượng đất đai. Đến ngày 13/02/2020 ông Y T, bà S cùng vợ chồng ông Th và bà B tiếp tục lên văn phòng một cửa UBND xã Nam Đà để làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất. Tại đây các bên cũng làm đầy đủ thủ tục hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, văn phòng một cửa UBND xã Nam Đà hẹn ngày trả kết quả hồ sơ là ngày 10/03/2020.

Tuy nhiên, ngày 22/02/2020 văn phòng một cửa UBND xã Nam Đà đã trả lời không Thực hiện được việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Y T, bà S với lý do: Tòa án nhân dân huyện Krông Nô quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với thửa đất mà ông Y T, bà S đã nhận chuyển nhượng của ông Th, bà B theo yêu cầu của ông Đ, bà Th.

Như vậy, việc Tòa án nhân dân huyện Krông Nô áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với ông Th, bà B dẫn đến việc không Thực hiện được chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Y T, bà S.

Do đó, ông Y T, bà S có yêu cầu độc lập và yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết:

- Hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2020/QĐ-BPKCTT ngày 18/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

- Buộc ông Dương Văn Th, bà Nguyễn Thị B tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được ký kết và được UBND xã Nam Đà chứng thực ngày 13/02/2020. Tiếp tục thực hiện việc chuyển quyền sử dụng đất ông Y T, bà S theo quy định của pháp luật.

Ông Y T, bà S không yêu cầu bồi thường đối với việc Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Ngày 24/8/2020 ông Y T, bà S rút toàn bộ yêu cầu độc lập.

Đối với quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2020/QĐ-BPKCTT ngày 18/02/2020 của TAND huyện Krông Nô ông Y T, bà S đề nghị Tòa án xem xét trên cơ sở của pháp luật, để không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Y T, bà S.

Ngày 24/8/2020 ông Y T có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khâu thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đầy đủ các quy định, quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Dương Văn Th, bà Nguyễn Thị B phải trả cho ông Vũ Hữu Đ, bà Trịnh Thị Th số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và lãi phát sinh. Đình chỉ xét

xử yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền nợ gốc 220.000.000 đồng; Đình chỉ xét xử yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2020/QĐ-BPKCTT ngày 18/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

Về án phí: Buộc ông Dương Văn Th, bà Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Ông Vũ Hữu Đ, bà Trịnh Thị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Th, bà B phải trả số tiền nợ gốc 420.000.000 đồng và các khoản tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận giữa các bên và giấy cam kết trả nợ ngày 16/01/2019 nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Tại thời điểm khởi kiện bị đơn là ông Dương Văn Th, bà Nguyễn Thị B có nơi cư trú tại thôn Ph, xã Đ, huyện K. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

2.1. Xét nội dung khởi kiện của ông Đ, bà Th yêu cầu Tòa án buộc ông Th, bà B phải trả số tiền nợ gốc còn lại là 200.000.000 đồng và khoản tiền lãi suất theo thỏa thuận của số tiền 420.000.000 đồng tính từ ngày 13/01/2018 đến ngày 13/01/2019 là 50.000.000 đồng – 8.000.000 đồng (đã trả) = 42.000.000 đồng; khoản tiền lãi suất theo thỏa thuận của số tiền 420.000.000 đồng tính từ ngày 14/01/2019 đến ngày 13/12/2019 là 46.060.000 đồng; Khoản tiền lãi suất 12%/năm (1%/tháng) của số tiền 200.000.000 đồng tính ngày 14/12/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ông Th, bà B thừa nhận có vay của ông Đ, bà Th số tiền nợ gốc là 420.000.000 đồng, đã trả được số tiền 220.000.000 đồng và hiện nay còn nợ số tiền 200.000.000 đồng.

Đối với các khoản lãi suất, ông Th, bà B cũng thừa nhận mức lãi suất các bên thỏa thuận khi vay là 12%/năm và hiện nay còn nợ ông Đ, bà Th số tiền lãi như ông Đ, bà Th khởi kiện. Theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, do đó việc ông Th, bà B còn nợ ông Đ, bà Th số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và các khoản tiền lãi là thực tế. Việc ông Th, bà B không trả nợ cho ông Đ, bà Th như thỏa thuận là vi phạm về nghĩa vụ của bên vay được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Do đó yêu cầu khởi kiện của ông Đ, bà Th và ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

2.1. Đối với yêu cầu tính lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bên đương sự thỏa thuận mức lãi suất là 12%/năm, Hội đồng xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự về lãi suất phù hợp theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận.

Tại phiên phiên tòa ông Th chấp nhận thanh toán cho ông Đ, bà Th các khoản tiền bao gồm: Số tiền nợ gốc còn lại là 200.000.000 đồng; khoản tiền lãi suất theo thỏa thuận của số tiền 420.000.000 đồng tính từ ngày 13/01/2018 đến ngày 13/01/2019 là 50.000.000 đồng – 8.000.000 đồng (đã trả) = 42.000.000 đồng; khoản tiền lãi theo thỏa thuận của số tiền 420.000.000 đồng tính từ ngày 14/01/2019 đến ngày 13/12/2019 là 46.060.000 đồng; Khoản tiền lãi suất 12%/năm (1%/tháng) của số tiền 200.000.000 đồng tính ngày 14/12/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là $200.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 9 \text{ tháng} = 18.600.000 \text{ đồng}$. Tổng số tiền ông Th chấp nhận thanh toán cho ông Đ là 306.660.000 đồng. Ông Th yêu cầu được thanh toán số tiền còn nợ làm nhiều lần, tuy nhiên phía nguyên đơn không chấp nhận và yêu cầu ông Th, bà B phải trả toàn bộ số tiền nợ một lần theo quy định của pháp luật. Do các đương sự không Thỏa thuận được thời hạn thanh toán nên Hội đồng xét xử sẽ căn cứ các quy định của pháp luật để xem xét.

2.2. Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận kể từ ngày 24/9/2020 cho đến khi thi hành xong, ông Dương Văn Th, bà Nguyễn Thị B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận là 12%/năm (1%/tháng). Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự phù hợp với Điều 468 của Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nên được chấp nhận.

[3]. Đối với yêu cầu của ông Đ, bà Th về việc yêu cầu Tòa án tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2020/QĐ-BPKCTT ngày 18/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô cho đến khi ông Th, bà B thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Đối với việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Cấm hoặc buộc thực hiện hành vi nhất định” quy định tại Điều 127 của Bộ luật tố tụng dân sự đã được áp dụng tại quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2020/QĐ-BPKCTT ngày 18/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô. Hội đồng xét xử xét thấy, theo nội dung đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của nguyên đơn (BL 43) thể hiện việc yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm ông Đ, bà B thực hiện một số hành vi nhất định (cấm chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, thừa kế, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 186 tờ bản đồ số 3, diện tích 1335 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B0 824220 cấp ngày 08/10/2013 mang tên bà Hồ Thị G tặng cho ông Dương Văn Th, bà Hồ Thị G theo hồ sơ biến động số 003023 ngày 04/11/2013. Như vậy, những hành vi của ông Th, bà B mà nguyên đơn yêu cầu Tòa án áp dụng đó là hành vi về chuyển dịch quyền tài sản được quy định tại Điều 121 của Bộ luật tố tụng dân sự và

trường hợp này thuộc trường hợp buộc thực hiện biện pháp bảo đảm theo quy định định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Cấm hoặc buộc thực hiện hành vi nhất định” quy định tại Điều 127 của Bộ luật tố tụng dân sự là không đúng căn cứ theo quy định tại Điều 138 của Bộ luật tố tụng dân sự nên cần hủy bỏ.

[4]. Đối với việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu ông Th, bà B phải trả số tiền gốc là 220.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất của số tiền này; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan rút toàn bộ yêu cầu độc lập. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan rút toàn bộ yêu cầu độc lập là tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[5]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Hữu Đ, bà Trịnh Thị Th được chấp nhận vì vậy bị đơn ông Dương Văn Th, bà Nguyễn Thị B phải chịu số tiền 15.333.000 đồng ($306.660.000 \text{ đồng} \times 5\% = 15.333.000 \text{ đồng}$) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của NQ 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Hoàn trả ông Vũ Hữu Đ, bà Trịnh Thị Th số tiền 12.415.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0002803, ngày 15 tháng 12 năm 2019 nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

Hoàn trả ông Y T số tiền 13.200.000 đồng tạm ứng án phí theo biên theo biên lai số 0002959, ngày 27 tháng 4 năm 2020 nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 217, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Hữu Đ, bà Trịnh Thị Th.

Buộc ông Dương Văn Th, bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đ, bà Th tổng số tiền là 306.660.000 đồng (*trong đó số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và các khoản tiền lãi bao gồm: Khoản tiền lãi suất theo thỏa thuận của số tiền*

420.000.000 đồng tính từ ngày 13/01/2018 đến ngày 13/01/2019 là 50.000.000 đồng – 8.000.000 đồng (đã trả) = 42.000.000 đồng; khoản tiền lãi theo thỏa thuận của số tiền 420.000.000 đồng tính từ ngày 14/01/2019 đến ngày 13/12/2019 là 46.060.000 đồng; Khoản tiền lãi suất 12%/năm (1%/tháng) của số tiền 200.000.000 đồng tính ngày 14/12/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là 200.000.000 đồng x 1%/tháng x 9 tháng 9 ngày = 18.600.000 đồng).

Kể từ ngày 24/9/2020 cho đến khi thi hành xong, ông Dương Văn Th, bà Nguyễn Thị B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận là 12%/năm (1%/tháng).

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu của ông Vũ Hữu Đ, bà Trịnh Thị Th đối với số tiền nợ gốc 220.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất của số tiền này.

Ông Đ, bà Th có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu đã rút theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Y T, bà Nguyễn Thị Thu S. Ông Y T, bà Nguyễn Thị Thu S có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu đã rút theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Về án phí: Buộc ông Dương Văn Th, bà Nguyễn Thị B phải chịu số tiền 15.333.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Vũ Hữu Đ, bà Trịnh Thị Th số tiền 12.415.000 đồng tạm ứng án phí theo biên theo biên lai số 0002803, ngày 15 tháng 12 năm 2019 nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

Hoàn trả ông Y T, bà Nguyễn Thị Thu S số tiền 13.200.000 đồng tạm ứng án phí theo biên theo biên lai số 0002959, ngày 27 tháng 4 năm 2020 nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được bổ sung năm 2014, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân :

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS H. Krông Nô;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Tím

